

PHỤ LỤC SỐ 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC - HẢI PHÒNG
Năm báo cáo: 2019

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200171274
- Vốn điều lệ: 742.069.400.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 742.069.400.000 đồng
- Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.3745.377
- Số fax: 0225.3823.748
- Website: capnuochaiphong.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): HPW

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tóm tắt quá trình phát triển:

- *Giai đoạn 1905 đến trước 13/5/1955*: các công trình cấp nước do người Pháp thiết kế, xây dựng và quản lý gồm: 1 nhà máy nước công suất 5000 m³/ngày tại Lán Tháp, Uông Bí, Quảng Ninh; Tuyến ống cấp nước D600 dài trên 33 km cấp nước từ Lán Tháp về Hải Phòng (xây dựng những năm đầu của thập niên 1900); Trạm bơm tăng áp Đinh Tiên Hoàng (xây dựng 1934) gồm: 01 đài nước cao 25m, dung tích 500 m³; 06 đài nước cao 8m, tổng dung tích 1800 m³; 01 trạm bơm tăng áp. Từ 1934 - 1954, xây dựng thêm 2 giếng khai thác nước ngầm tại Nhà hát Lớn và Trại Cau có công suất khai thác 3840 m³/ngày.



- Từ 1955 đến 1986: Nhà máy nước Hải Phòng chính thức được thành lập vào năm 1967 trực thuộc sở Nhà đất (nay là sở Xây dựng) quản lý.

- Năm 1986, Nhà máy nước Hải Phòng chuyển đổi thành Công ty Cấp nước Hải Phòng theo quyết định số 845/QĐ-UB ngày 28/10/1986 “ về việc đổi tên và quy định quyền hạn Công ty Cấp nước Hải Phòng” của UBND thành phố Hải Phòng.

- Năm 1993, UBND thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 71/QĐ - TCCQ ngày 14/01/1993: về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước và quy chế hoạt động doanh nghiệp của Công ty Cấp nước Hải Phòng”.

- Năm 1998, NMN Lán Tháp, Uông Bí được bàn giao cho tỉnh Quảng Ninh quản lý, khai thác cấp cho Quảng Ninh.

- Năm 2007, Công ty Cấp nước Hải Phòng chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Hải Phòng, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 10/8/2006. Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty theo Quyết định số 2801/2006/QĐ-UBND ngày 25/12/2006.

- Năm 2008, Công ty tiếp nhận và quản lý nhà máy nước Vĩnh Bảo từ huyện Vĩnh Bảo; tiếp nhận và quản lý Xí nghiệp điện nước Cát Bà từ huyện Cát Hải.

- Năm 2009 cổ phần hóa xí nghiệp cấp nước Vật Cách thành Công ty Cổ phần cấp nước Vật Cách (nay là Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng)...

- Tháng 4 năm 2015 Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Hải Phòng chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng theo Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 09/04/2015.

- Ngày 11/11/2016 Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 731/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng (Upcom).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn Thành phố Hải Phòng.

- Lập quy hoạch, dự án đầu tư, thẩm tra, thẩm định dự án cấp nước; khảo sát, thiết kế, kiểm nghiệm chất lượng nước, quản lý và giám sát thi công các dự án, các

công trình cấp thoát nước, điện, động lực, xây dựng dân dụng, công nghiệp và các dịch vụ chuyên ngành.

- Đầu tư xây dựng và quản lý các công trình cấp nước nội ngoại thành Thành phố Hải Phòng. Xây dựng, lắp đặt thiết bị, công nghệ, mạng lưới đường ống, các công trình cấp, thoát nước, xử lý chất thải và chất thải rắn, điện, động lực và xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

- Mua bán, gia công, chế tạo thiết bị, phụ tùng, các sản phẩm chuyên ngành cấp, thoát nước và kinh doanh các công trình hạ tầng khác.

- Tư vấn đấu thầu xây lắp, cung ứng vật tư, thiết bị, công trình cấp thoát nước. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, hướng dẫn quy trình vận hành, bảo dưỡng thiết bị ngành nước.

- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, dịch vụ khách sạn, nhà hàng, tổ chức các hội nghị, hội thảo,...

- Kiểm định đồng hồ đo nước lạnh (trong phạm vi được ủy quyền).

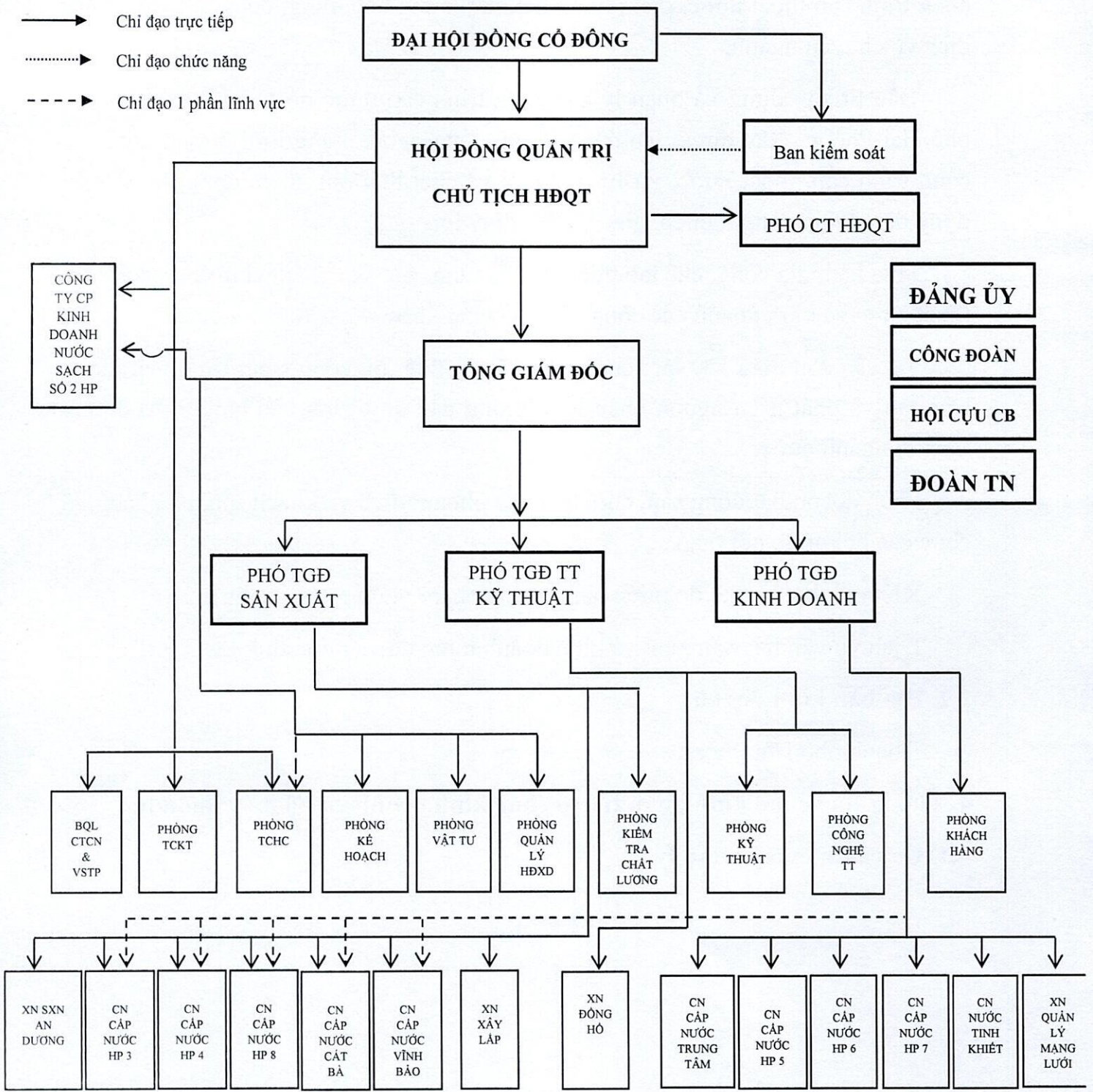
- Dịch vụ vận tải; Sản xuất và kinh doanh nước đá và nước tinh lọc.

3.2. Địa bàn kinh doanh

Thành phố Hải Phòng

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Cơ cấu bộ máy quản lý.



Chức năng của các phòng ban:

• Phòng Tổ chức – Hành chính:

- Giải quyết các công việc liên quan đến: chính sách người lao động, tiền lương, tiền thưởng.
- Tham mưu cho lãnh đạo về công tác tổ chức, tuyển dụng, đào tạo.
- Giải quyết các công việc hành chính cơ quan, quản lý con dấu.

• Phòng Kế hoạch:

- Tham mưu với lãnh đạo Công ty về việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kiểm tra và đánh giá các kết quả thực hiện.

• Phòng Kỹ Thuật:

- Quản lý công tác kỹ thuật, quy hoạch, lập dự án, thiết kế phát triển hệ thống cấp nước.

• Phòng Tài chính – Kế toán:

- Quản lý, giám sát toàn bộ các hoạt động về tài chính, kế toán, thống kê của Công ty.

• Phòng Vật tư:

- Quản lý vật tư của Công ty.
- Cung ứng đủ vật tư cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

• Phòng Khách hàng:

- Giao dịch với khách hàng
- Quản lý và vận hành hệ thống hoá đơn và các khoản phải thu.
- Kiểm tra hệ thống cấp nước từ nguồn nước sinh hoạt, công trình cấp nước, mạng lưới cấp nước đến các hộ tiêu thụ.
- Giải quyết các vi phạm về quản lý, bảo vệ công trình cấp nước, nguồn nước sinh hoạt, các vi phạm về mua bán, sử dụng nước máy theo hợp đồng mua bán nước máy và các quy định liên quan.

• Phòng Kiểm tra chất lượng nước:

- Quản lý chất lượng nước sản xuất.
- Theo dõi các nguồn nước đang và sẽ khai thác.

- **Phòng Công nghệ thông tin:**

- Quản lý, bảo dưỡng, giám sát vận hành và đảm bảo thông suốt mạng máy tính và các thiết bị tin học trong toàn Công ty. Quản trị mạng thông tin nội bộ, quản lý các hệ thống mạng tin học mà Công ty đang sử dụng để phục vụ cho công tác khai thác của các đơn vị vào mục đích SXKD của Công ty.

- **Phòng Quản lý hoạt động xây dựng:**

- Tham mưu giúp việc cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc triển khai hướng dẫn, kiểm tra trong các lĩnh vực: các văn bản pháp quy liên quan, soát xét các bước trong công tác xây dựng và thẩm định các dự án đầu tư.

- **Ban quản lý CTCN và vệ sinh thành phố:**

- Thay mặt chủ đầu tư quản lý các dự án đầu tư xây dựng, công trình được giao.

- Tham mưu đắc lực cho chủ đầu tư về các trình tự, thủ tục đầu tư theo đúng luật xây dựng, luật đấu thầu, nghị định và các quy định khác của Pháp luật.

- Tổ chức lập dự án đầu tư, khảo sát thiết kế, lập dự toán, tổng dự toán, tổ chức thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế.

- Tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng với nhà thầu. Lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát.

- Thanh quyết toán công trình theo đúng quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình của Nhà nước ban hành và các văn bản quy định về xây dựng cơ bản

- Chức năng, nhiệm vụ chính của các chi nhánh, xí nghiệp cấp nước:

- Quản lý sản xuất nước trong phạm vi chi nhánh, xí nghiệp.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ban điều hành Công ty về mọi hoạt động của đơn vị trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, tài sản và con người được giao.

- Chịu sự điều hành của các Phó tổng Giám đốc trong lĩnh vực được phân công.

- Sản xuất và cung cấp nước đầy đủ đạt tiêu chuẩn về chất lượng quy định, phục vụ khách hàng có hợp đồng sử dụng nước máy.

4.2. Các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng có đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng - tiền thân là Xí nghiệp Cấp nước Vật Cách Hải Phòng, có trụ sở tại thôn Do Nha, xã Tân Tiến, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 07 năm 2009:

- Địa chỉ: Thôn Do Nhã, xã Tân Tiến, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch

- Vốn điều lệ thực góp: 73.500.000.000 đồng

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng tại Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng: 65,29%

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của các hộ dân trên vùng phục vụ và 100% các hộ dân khu vực đô thị với tiêu chuẩn chất lượng nước sạch theo Quy chuẩn QCVN 01:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, duy trì bền vững, mang lại sự hài lòng cho khách hàng.

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng cấp nước theo hướng hiện đại, văn minh đạt trình độ hạ tầng cấp nước của những thành phố phát triển trong khu vực, tiến tới ngang tầm với hệ thống cấp nước của các nước phát triển trên thế giới.

- Nâng cao chất lượng phục vụ, thực hiện tốt văn hóa Công ty. Thủ tục lắp đặt, sửa chữa, di chuyển máy nước được thực hiện nhanh chóng, đúng quy trình. Các khiếu nại của khách hàng được giải quyết hợp lý, kịp thời, đúng quy định.

- Duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

- Thực hiện các dự án mở rộng vùng phục vụ. Các dự án cấp nước khu vực nông thôn theo chương trình xây dựng nông thôn mới của thành phố.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Thực hiện các dự án đầu tư theo đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra.

- Áp dụng công nghệ và tiến bộ khoa học, tự động hóa vào quản lý hệ thống cấp nước.

- Tăng cường công tác bảo vệ nguồn nước và các công trình cấp nước.

- Đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của khách hàng tại các vùng phục vụ.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Công ty tiếp tục tập trung khai thác sản xuất và cung cấp nước sạch, đầu tư xây dựng các công trình cấp nước đáp ứng nhu cầu của thị trường về sản phẩm nước sạch, phát triển và tiến tới đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, đa dạng hóa các hình thức đầu tư để đáp ứng nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

- Đầu tư các dự án trọng điểm để xây mới, cải tạo và mở rộng các nhà máy nước, hệ thống ống truyền dẫn, ống phân phối nước, vùng phục vụ để đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và du lịch của Thành phố. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị, du lịch và các khu công nghiệp của thành phố.

- Thực hiện kế hoạch chống thất thoát theo vùng, tuyến ống, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm 2020 xuống dưới 12%. Ưu tiên các dự án chống thất thoát thất thu nước sạch nhằm nâng cao năng lực vận hành hệ thống cấp nước và giảm tỷ lệ thất thoát nước.

- Thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư mới nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước; nâng độ phủ cấp nước đô thị đạt tỷ lệ 100%.

- Nâng cao năng lực, nâng cao công suất cấp nước, chú trọng đến công tác quản lý chất lượng nước. Cung cấp sản phẩm nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn Việt Nam QC 01/2009-BYT. Duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015, xây dựng và hoàn thiện các quy chế nội bộ; thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đến 2020. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ công nhân viên; có chính sách thu hút các kỹ sư chuyên ngành, cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế khá, giỏi về làm việc tại Công ty.

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ - tin học để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, đổi mới phương thức phục vụ - đưa đến khách hàng các dịch vụ - phục vụ tốt nhất, thực hiện chiến lược "Coi trọng khách hàng" để tồn tại và phát triển bền vững.

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Xây dựng thương hiệu, quảng bá doanh nghiệp giúp khách hàng tin tưởng và lựa chọn sản phẩm dù là nước máy, nước đóng chai hay các sản phẩm trong lĩnh vực tư vấn, xây dựng hệ thống cấp thoát nước.

- Sản xuất kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường. Đảm bảo cung ứng đủ nước cho thành phố khi có ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro về kinh tế.

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Hoạt động chủ yếu của Công ty Cấp nước Hải Phòng là sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ nhu thiết yếu cho người dân và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Năm 2019 là một năm tiếp theo kinh tế thành phố Hải Phòng tiếp tục ổn định và khởi sắc, tuy nhiên SXKD của một số doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, sản xuất bị giảm sút. Do đó, những rủi ro kinh tế cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhưng tỷ trọng nước sinh hoạt chiếm tỷ trọng lớn hơn so với các mục đích khác. Vì vậy rủi ro kinh tế có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng không nhiều lắm.

6.2. Rủi ro về luật pháp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Tài nguyên nước...

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh

hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra việc nhiều nghị định được đưa vào ban hành nhưng chưa có thông tư hướng dẫn cụ thể khiến cho Công ty cũng gặp khó khăn trong việc áp dụng.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

6.3. Rủi ro đặc thù.

6.3.1. Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

- Nguồn nước thô nguyên liệu đầu vào để sản xuất nước sạch được khai thác từ các sông Rế, Đa Độ, Chanh Dương là hạ lưu của sông Thái Bình, sông Hồng. Nguồn nước sông phụ thuộc vào thượng nguồn, vào sự điều tiết của các đập thủy điện thượng lưu do đó tương đối không ổn định. Do đó, Công ty Cấp nước Hải Phòng có thể gặp các rủi ro từ điều kiện tự nhiên của nguồn nước bị thay đổi. Sự thay đổi về chất lượng và lưu lượng nước thô ảnh hưởng rất lớn đến quá trình xử lý nước.

- Hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp phát triển nhanh chóng cũng kéo theo nguy cơ ô nhiễm nguồn nước cao. Hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng nhiều chất hóa học như phân bón, thuốc trừ sâu, gây nguy cơ ô nhiễm nguồn nước. Những năm gần đây, thời tiết thay đổi khá thất thường, mùa khô kéo dài, nguồn nước sạch bị nhiễm mặn, nhiễm cứng thiếu về trữ lượng và chất lượng do đó ảnh hưởng đến nguồn nước thô cung cấp như đã xảy ra tại đảo Cát Bà. Để ngăn ngừa các rủi ro trên, Công ty đã áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng nước:

+ Kiểm soát chất lượng nước trên mạng lưới thường xuyên, xử lý kịp thời các trường hợp nước trên mạng lưới bị ô nhiễm.

+ Thường xuyên theo dõi kết quả phân tích chất lượng nước thô nhằm phát hiện biến động về chất lượng nước, lập tức đề ra biện pháp khắc phục, xác định chủng loại và định lượng hóa chất phù hợp để áp dụng vào sản xuất.

+ Xây dựng các cụm xử lý nước mặn và nước lợ thành nước ngọt phục vụ nhu cầu dùng nước của huyện đảo.

+ Tăng cường áp dụng công nghệ vào công tác kiểm soát chất lượng nước trên mạng lưới, lắp đặt bổ sung các thiết bị đo chất lượng nước trên mạng lưới và tại các trạm bơm, nhà máy.

6.3.2. Rủi ro thất thoát nước

Tỷ lệ thất thoát của hệ thống cấp nước hiện tại khoảng 12%. Nước rò rỉ được phân theo 02 loại: loại dễ thấy (nước tràn lên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước..).

Việc sửa chữa các điểm rò rỉ loại dễ thấy được thực hiện trong ngày. Còn đối với điểm rò rỉ khó thấy, cần phải có kế hoạch dò tìm và sửa chữa. Các điểm rò rỉ loại này sẽ tồn tại trong một thời gian dài và chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng số lượng nước rò rỉ. Hơn nữa, nếu chúng ta không dò tìm và sửa chữa các điểm rò rỉ loại này một cách có hệ thống, chúng sẽ gây ra các sự cố lớn hơn và lượng nước rò rỉ do đó cũng tăng lên.

Hiện nay Công ty đang ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong công tác quản lý hệ thống cấp nước nhằm giảm thiểu nước thất thoát như: Hệ thống thông tin địa lý GIS, hệ thống Scada, Telemetry - hỗ trợ quản lý, phân tích và đánh giá mạng lưới cấp nước...

6.4. Rủi ro khác.

- Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, dịch bệnh...là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

- Việc phát triển thêm khách hàng sinh hoạt ở các huyện ngoại thành gặp nhiều khó khăn do gặp phải sự cạnh tranh với các công ty cấp nước tư nhân ở địa phương cũng như chi phí đầu tư ban đầu tương đối lớn.

- Chi phí sản xuất tăng cao do các yếu tố chủ quan đầu vào như tiền điện, nước thô, các khoản phí phải nộp ngân sách.. tăng dẫn tới các chỉ tiêu tài chính không được đảm bảo.

-Tiến độ giải ngân các khoản vay nước ngoài không kịp tiến độ dẫn tới việc thực hiện các dự án đầu tư bị chậm.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch (1)	Thực hiện (2)	So sánh (2)/(1)
1.	Khách hàng		316.974	322.111	101,6%
2.	Nước sản xuất	Triệu m3	74,38	78,27	105,2%
3.	Nước tiêu thụ	Triệu m3	65,84	69,03	104,8%
4.	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	839,0	895,1	106,7%
5.	Tỷ lệ thất thoát	%	12	11,8	
6.	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng		213	

*** Đánh giá tình hình:**

Nhờ triển khai thực hiện hữu hiệu những giải pháp về khai thác nguồn vốn, về thị trường, công nghệ sản xuất, triệt để tiết kiệm, áp dụng chính sách giá linh hoạt, hợp lý, tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ, Công ty đã giữ vững, phát triển và mở rộng thị trường, ổn định sản xuất, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD năm 2019. Cụ thể:

- Sản lượng nước tiêu thụ tăng 4,8% so với kế hoạch, Tổng doanh thu và thu nhập khác tăng 6,7% so với mục tiêu đề ra.
- Tỷ lệ thất thoát giảm, giúp công ty tiết kiệm được mức chi phí lớn
- Lượng khách hàng tăng nhẹ, khoảng 1,6%
- Thu nhập của CBCNV cũng được cải thiện, ở mức khá so với mặt bằng chung của thành phố.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Hội đồng Quản trị:

2.1.1. Ông Trần Việt Cường - Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : Trần Việt Cường

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 11/09/1974
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- CMND : 030927877 - Ngày cấp: 18/04/2007 - Nơi cấp: CA Hải Phòng

- Quê quán : Kim Thái - Vụ Bản – Nam Định
- Nơi ở hiện nay: Số 1/78 Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, kỹ sư điện tàu biển, cử nhân tiếng anh, kỹ sư xây dựng
- Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phần của Công ty: 0,1%

2.1.2. Ông Vũ Hồng Dương - Phó Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : Vũ Hồng Dương
- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 30/06/1958
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- CMND : 030058000035 - Ngày cấp: 18/07/2014 - Nơi cấp: Cục Trưởng Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư.

- Quê quán : Xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
- Nơi ở hiện nay: Số 7 khu nhà ở ven hồ Phương Lưu, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư cấp thoát nước
- Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phần của Công ty: 0,5%

2.1.3. Ông Đặng Hữu Dũng - Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc

- Họ và tên : Đặng Hữu Dũng
- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : 04/03/1962
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- CMND : 030141876 - Ngày cấp:08/02/2006 - Nơi cấp: CA Hải Phòng

- Quê quán : Xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
- Nơi ở hiện nay: Lô 26A tổ 30 phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư quản trị kinh doanh, kỹ sư cấp thoát nước
- Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phần của Công ty: 0,1%

2.1.4. Ông Trần Văn Dương - Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc thường trực

- Họ và tên : Trần Văn Dương
- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 07/03/1970
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- CMND : 030810477 - Ngày cấp: 28/08/2003 - Nơi cấp: CA Hải Phòng

- Quê quán : Đa Phúc – Dương Kinh – Hải Phòng
- Nơi ở hiện nay: Số 6/183, đường Đà Nẵng, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư cấp thoát nước
- Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phần của Công ty: 0,2%

2.1.5. Ông Nguyễn Đăng Ninh- Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng

- Họ và tên : Nguyễn Đăng Ninh
- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : 29/10/1976
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- CMND : 031076001176 - Ngày cấp: 15/05/2015 - Nơi cấp: Cục Trưởng Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- Quê quán : Xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
- Nơi ở hiện nay : Lô 2 khu dân cư Quán Nam, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị kinh doanh, cử nhân kế toán, Cử nhân Tiếng anh.
- Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phần của Công ty: 0,2%

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên

Tại thời điểm 31/12/2019:

+ Tổng số lao động trong doanh nghiệp: 1.059 người;

Trong đó: - Lao động là nam: 591 người.

- Lao động nữ: 468 người.

- Lao động tham gia BHXH: 1.059 người;

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và các quy định của Công ty đối với người lao động. Các chính sách: tiền lương, tiền thưởng, khen thưởng, kỷ luật, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, bảo hiểm, ốm đau, thai sản, bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, tuyển dụng, đào tạo, ăn giữa ca, tham quan, nghỉ mát, sử dụng quỹ phúc lợi, quỹ tương trợ, chăm sóc sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần ... được duy trì thực hiện đầy đủ, đúng quy định giúp người lao động yên tâm, gắn bó với doanh nghiệp, công tác với tinh thần trách nhiệm và hiệu quả cao.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

Để đáp ứng nhu cầu dùng nước của nhân dân và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thành phố, trong những năm qua công ty đã tích cực, chủ động triển khai nhiều dự án cấp nước có hiệu quả cao:

- Tiếp tục triển khai Dự án đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Hải Phòng giai đoạn 2 vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á ADB.

- Triển khai dự án nâng cấp NMN AN Dương sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Nhật Bản. Dự án gồm 2 hạng mục: xây dựng cụm bể lọc tiếp xúc sinh học uBCF công suất 100.000m³/ngày tại nhà máy nước An Dương; nâng cấp trạm bơm Quán Vĩnh.

- Triển khai các Dự án phục vụ cho phát triển của đô thị và các khách hàng sử dụng nước lớn.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

Tình hình sản xuất, kinh doanh và số liệu báo cáo tài chính của Công ty CP kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng là:

Đơn vị: VND

TT	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2019
1	Tổng tài sản	106.780.911.467
1.1	Tài sản ngắn hạn	50.478.757.475
1.2	Tài sản dài hạn	56.302.153.992
2	Tổng nguồn vốn	106.780.911.467
2.1	Nợ phải trả	10.658.455.721
2.2	Vốn chủ sở hữu	96.122.455.746
3	Doanh thu	95.863.591.365
4	Doanh thu hoạt động tài chính	680.700.619
5	Thu nhập khác	952.110.832
6	Chi phí khác	940.110.831
7	Lợi nhuận trước thuế	21.505.622.263

TT	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2019
8	Lợi nhuận sau thuế	17.203.702.763

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.449.536.312.444	1.625.872.826.257	+50,7
Doanh thu thuần	869.363.049.854	818.087.198.195	+6,3
Lợi nhuận từ HĐ SXKD	95.825.658.220	91.060.874.655	+5,2
Lợi nhuận khác	965.617.674	1.043.081.399	-7,4
Lợi nhuận trước thuế	96.791.275.894	92.103.956.054	+5,1
Lợi nhuận sau thuế	78.723.816.035	74.744.699.851	+5,3
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	75,4	75,9	-0,5

(Nguồn: Các chỉ tiêu được lấy số liệu trên BCTC riêng năm 2019)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh	0,61	1,61	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,53	1,30	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ: Nợ phải trả /Tổng tài sản	0,61	0,44	
+ Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,58	0,79	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	9,59	9,14	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,35	0,50	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,09	0,10	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,08	0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	0,05	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,11	0,12	

(Nguồn: Các chỉ tiêu trên được lấy số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2019)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần :

- Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng.**
- Mã cổ phiếu: **HPW**
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ
- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký: 74.206.940 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 742.069.400.000 VNĐ

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Đơn vị : nghìn VND

Danh mục	Cổ đông trong nước		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn thực góp	74.206.940	742.069.400	100
1. Cổ đông nhà nước	59.797.840	597.978.400	80,58
2. Cổ đông ngoài	14.409.100	144.091.000	19,42

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e) Các chứng khoán khác: không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2019 là:

STT	Tên vật liệu	Tổng cộng	
		Lượng (kg)	Tiền (VNĐ)
1	Phèn PAC	1.027.291	11.168.777.210

STT	Tên vật liệu	Tổng cộng	
		Lượng (kg)	Tiền (VND)
2	Phèn nhôm sunphat	18.226	71.944.300
3	Clo	184.326	2.419.709.497
4	Vôi	62.400	118.698.306
5	Javen	59.495,4	196.997.055
6	Than hoạt tính	13.002	341.808.301
7	NAOH 99%	1.100	19.580.000
8	Muối	10.227	103.715.941
9	Thuốc tím KMnO4	5.745,5	414.934.624
10	Chất chống cáu cặn Genesys LF	182	29.484.000
	TỔNG		14.885.649.234

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

STT	Diễn giải	KW	Thành tiền (VND)
1	Xí nghiệp sản xuất nước An Dương	13.701.998	24.673.583.355
2	Khu vực Văn Phòng	821.809	1.635.502.375
3	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 4	2.452.064	4.514.938.109
4	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 3	1.176.229	2.105.661.916
5	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 6	2.510.583	4.425.793.759
6	Xí nghiệp Cấp nước Cát Bà	1.218.614	2.221.136.536
7	Xí nghiệp Cấp nước Vĩnh Bảo	713.071	1.350.951.881
8	NMN Minh Đức	284.768	522.828.707

STT	Diễn giải	KW	Thành tiền (VND)
	Tổng cộng	22.879 .136	41.450.396.6 38

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

STT	Xí nghiệp sản xuất nước	Sông nguồn	M3	Thành tiền (VND)
1	Xí nghiệp sản xuất nước An Dương	Sông Rế	47.873.238	43.085.914.200
2	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 3	Sông Rế	4.211.042	3.789.937.800
3	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 4	Sông Đa Độ	13.236.628	11.912.965.200
4	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 8	Sông Đa Độ	8.238.962	7.415.065.800
5	Xí nghiệp Cấp nước Vĩnh Bảo	Chanh Dương	2.468.804	2.221.923.600
6	NMN Minh Đức	Sông Giá	763.993	687.593.700
	Tổng cộng		76.792.667	69.113.400.300

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng; Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tại thời điểm 31/12/2019:

+ Tổng số lao động trong doanh nghiệp: 1.059 người;

Trong đó: - Lao động là nam: 591 người.

- Lao động nữ: 468 người.

- Lao động tham gia BHXH: 1.059 người;

+ Tiền lương bình quân : 8,6 triệu đồng/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Được thể hiện trong Nội quy lao động, Quy chế trả lương, thưởng, ăn ca, Thỏa ước lao động tập thể v.v...Cụ thể;

- Đảm bảo 100% người lao động có việc làm và thu nhập ổn định với mức lương bình quân 8.600.000đ/người/tháng năm 2019. Các chế độ chính sách như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ bồi dưỡng ca 3, độc hại, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám phụ khoa ... được thực hiện theo đúng quy định của nhà nước.

- Ngoài lương và chế độ chính sách theo quy định của nhà nước, người lao động còn được công ty quan tâm chi tiền, tặng quà vào các dịp lễ, tết như ngày 8/3, 20/10, 30/4, 2/9, tết dương lịch, tết âm lịch, thưởng quý, tháng lương thứ 13, mua bảo hiểm thân thể 24/24, trợ cấp 6 tháng lương và tặng quà cho CBCNV nghỉ hưu, trợ cấp CBCNV khi ốm đau phải điều trị dài ngày.... đều được quy định chi tiết trong thỏa ước lao động tập thể.

- Hàng năm, Công ty đều tổ chức các chương trình tham quan học tập nghỉ mát trong nước và nước ngoài để cho CBCNV có dịp học hỏi các đơn vị bạn, nâng cao tầm hiểu biết và được nghỉ dưỡng để tái tạo sức lao động.

- Câu lạc bộ văn hóa - ngoại ngữ - thể thao Công ty được duy trì thường xuyên, hàng năm đều được Công ty tạo điều kiện tổ chức các giải thể thao như giải

bóng đá, cầu lông, tennis, kéo co... tạo sân chơi lành mạnh cho hàng trăm người lao động tham gia thi đấu và cổ vũ tạo khí thế thi đua sôi nổi; tổ chức các Đoàn thể thao văn nghệ tham gia các giải văn hóa thể thao của Đảng ủy Khối doanh nghiệp, Công đoàn Ngành Xây dựng, Chi hội cấp nước miền Bắc và Toàn quốc. Ngoài ra, Công ty còn trang bị các dụng cụ thể thao ngoài trời, máy sấy bát đĩa diệt khuẩn cho các nhà ăn ca, máy đo huyết áp, sửa chữa hoặc xây mới sân cầu lông, bàn bóng bàn... cho các chi nhánh/xí nghiệp để người lao động tham gia tập sau giờ làm việc và thường xuyên tự kiểm tra sức khỏe của mình.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty luôn quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có phẩm chất chính trị, chuyên môn, có khả năng điều hành và làm chủ thiết bị công nghệ cao; đội ngũ công nhân lành nghề và đội ngũ nhân viên kinh doanh tiêu thụ có phong cách phục vụ khách hàng tốt. Năm 2019, công ty đã tổ chức 24 khóa đào tạo, tập huấn, tham quan học tập cho cán bộ công nhân viên công ty với các lớp đào tạo giám đốc chiến lược, giám đốc nhân sự, giám đốc sản xuất chuyên nghiệp, đào tạo cán bộ làm công tác giảng dạy, nâng cao năng lực quản lý, kiểm định đồng hồ đo nước, nâng bậc thợ, các lớp học về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, tập huấn đọc số đồng hồ ứng dụng điện thoại thông minh và các lớp tập huấn về nghiệp vụ quản lý xây dựng, thu tiền nước tại quầy, an toàn hóa chất, sơ cứu cứu nạn cứu hộ và một số lớp tập huấn khác về quản lý tài chính, nghiệp vụ đấu thầu qua mạng, ...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Là đơn vị có truyền thống uống nước nhớ nguồn, lá lành đùm lá rách, do vậy trong năm qua Công ty luôn thực hiện tích cực tham gia ủng hộ các quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt, quỹ vì Trường Sa, Hoàng Sa, ủng hộ lụt bão và các hội từ thiện, hội chữ thập đỏ, các hoạt động xã hội của thành phố và các sở ban ngành.... với số tiền hàng trăm triệu đồng.

Hưởng ứng các hoạt động tri ân, đền ơn đáp nghĩa, Hội Cựu chiến binh công ty mỗi năm đều tổ chức tri ân CBCNV là thương binh, thân nhân liệt sỹ, cựu quân nhân vào các ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7, ngày Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12; tham gia đóng góp với hội khôi xây dựng nhà tình nghĩa cho cựu chiến binh có hoàn cảnh khó khăn

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của công ty là:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[01]	869.363.049.854	818.087.198.195
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	[02]		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	[10]	869.363.049.854	818.087.198.195
4. Giá vốn hàng bán	[11]	514.991.070.795	478.450.859.015
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	[20]	354.371.979.059	339.636.339.180
6. Doanh thu hoạt động tài chính	[21]	14.033.600.923	8.225.202.799
7. Chi phí tài chính	[22]	23.777.928.731	17.794.104.927
- Trong đó: Chi phí lãi vay	[23]	22.492.355.025	13.265.740.523
8. Chi phí bán hàng	[25]	125.629.255.681	114.912.685.618
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	[26]	123.172.737.350	119.834.969.807
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	[30]	95.825.658.220	95.319.781.627
11. Thu nhập khác	[31]	11.677.275.389	12.284.790.496
12. Chi phí khác	[32]	10.711.657.715	11.241.709.097
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	[40]	965.617.674	1.043.081.399
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	[50]	96.791.275.894	96.362.863.026
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	[51]	18.067.459.859	18.219.656.310
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	[52]		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	[60]	78.723.816.035	78.143.206.716

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Mặc dù có nhiều khó khăn nhưng với sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT Công ty, Ban Tổng giám đốc Công ty; sự cố gắng, nỗ lực của tập thể CBCNV, Công ty vẫn tiếp tục giữ vững ổn định sản xuất kinh

doanh, cung cấp đủ nước có chất lượng đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước ăn uống với dịch vụ ngày càng đa dạng, thuận tiện và nâng cao. Kết quả khảo sát đánh giá của khách hàng về dịch vụ cấp nước năm 2019 có nhiều tiêu chí đạt từ 99-100% khách hàng hài lòng.

1.2. Lĩnh vực sản xuất – Chất lượng nước

Năm 2019, các nhà máy sản xuất nước sạch của công ty luôn hoạt động ổn định, chất lượng nước cấp đạt Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT, áp lực tại các điểm cuối nguồn các tuyến ống chính đạt ≥ 15 m cột nước.

Trước tình hình nguồn nước thô đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm từ các hoạt động sinh hoạt, sản xuất kinh doanh; biến đổi khí hậu và việc nước biển dâng dẫn đến tình trạng xâm nhập mặn diễn biến phức tạp, Công ty Cấp nước Hải Phòng vẫn duy trì sản xuất và đảm bảo cấp nước cho trên 322.000 khách hàng, tương đương với 1.4 triệu dân với đa dạng mục đích sử dụng, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

Năm 2019, nhà máy nước An Dương đang trong quá trình thực hiện dự án nâng công suất lên 200.000m³/ngày. Do vậy, nhà máy vừa phải đảm bảo cung cấp nước ổn định cho khu vực trung tâm thành phố và vùng phụ cận, vừa phải đảm bảo thi công các công trình theo đúng tiến độ. Cùng với đó, NMN Hung Đạo sau 18 tháng khẩn trương thi công đã chính thức đưa vào vận hành từ tháng 1 năm 2019, cung cấp nước cho khu vực Dương Kinh, Đồ Sơn, và một phần của huyện Kiến Thụy giúp cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước cho người dân khu vực này.

Riêng đối với khu vực Cát Bà là khu vực có khó khăn về nguồn nước, bị ảnh hưởng lớn bởi biến đổi khí hậu khiến mùa mưa đến muộn. Nhận thức nguy cơ đó, Công ty đã chủ động triển khai hệ thống xử lý nước lợ với công suất 1.000m³/ngày đêm tại Trạm bơm Hải Sơn và hệ thống xử lý nước biển công suất 1.500m³/ngày đêm tại NMN Cái Giá; kết hợp với việc sửa chữa các giếng khoan để khai thác nước ngầm phục vụ cho công tác sản xuất nước tại Cát Bà. Năm 2019, Công ty đã cung cấp đủ nước cho Cát Bà, không để xảy ra tình trạng thiếu nước, đặc biệt là trong mùa cao điểm.

1.3. Lĩnh vực Kinh doanh tiêu thụ

-Cùng với việc đầu tư, nâng cấp, xây dựng nhà máy, hệ thống đường ống nâng cao năng lực cấp nước, Công ty cũng chú trọng việc tăng cường quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin và các khoa học kỹ thuật mới vào trong quản lý kinh doanh mang lại hiệu quả cao và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước. Đó là:

Triển khai đọc số và thu tiền đồng hồ nước một lần bằng điện thoại thông minh (smartphone) sử dụng phần mềm do chính Công ty lập trình. Việc đọc số và thu tiền một lần kết hợp với việc duy trì đa dạng các hình thức thanh toán tiền nước giúp mang lại nhiều sự lựa chọn và thuận lợi cho khách hàng với các hình thức như: tại nhà, tại tổ quản lý, trên website của Công ty, ủy thác thanh toán tự động qua ngân hàng, chuyển khoản hoặc nộp tiền tại phòng giao dịch ngân hàng, thanh toán qua các kênh thanh toán của Payoo, Vietelpay, ví điện tử Momo, hay các cửa hàng tiện ích...

- Duy trì Trung tâm Chăm sóc Khách hàng (Call Center) để tiếp nhận và giải quyết các thông tin của khách hàng một cách nhanh chóng, hiệu quả qua số điện thoại **02253.51.58.58**. Năm 2019, Trung tâm đã tiếp nhận và giải quyết trên 17.000 thông tin tư vấn, giải đáp thắc mắc, sự cố về cấp nước. Công ty đã triển khai lấy mẫu, kiểm tra chất lượng nước sau đồng hồ đối với khách hàng đặc thù như trường học, bệnh viện, doanh nghiệp sản xuất có nhà ăn ca... nhằm kiểm soát tốt hơn chất lượng nước sau đồng hồ của khách hàng; đưa ra những khuyến nghị đối với khách hàng nếu chất lượng nước sau đồng hồ không đảm bảo chất lượng.

- Duy trì dịch vụ cấp nước trực tuyến trên website của công ty với các dịch vụ: lắp đặt, di chuyển máy nước; sang tên hợp đồng cấp nước; cấp lại hợp đồng dịch vụ cấp nước; điều chỉnh thông tin khách hàng; đăng ký hình thức thanh toán tiền nước; sửa chữa (đồng hồ, mạng lưới cấp nước sau đồng hồ).

- Công tác sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai HaiPhong Water ngày càng phát triển và có sức cạnh tranh tốt. Do chú trọng đến chất lượng nên sản phẩm của công ty đã chiếm được lòng tin của khách hàng, dần mở rộng và chiếm lĩnh được thị phần trên thị trường tiêu thụ. Đến nay, có trên 5.000 khách hàng tín nhiệm sử dụng sản phẩm.

Cùng với việc đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ, Công ty đã tăng cường công tác quản lý mạng lưới, hệ thống cấp nước như: vận hành hệ thống SCADA, xây

dựng hệ thống GIS, ứng dụng các thiết bị phát hiện rò rỉ nhằm kiểm soát tốt nước thất thoát.

Trong bối cảnh thành phố trên đà phát triển mạnh mẽ, do đó nhiều công trình hạ tầng kỹ thuật được triển khai xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo chỉnh trang đô thị, cải tạo đường ngõ gây ảnh hưởng đến mạng lưới cấp nước, dễ gây thất thoát nước. Tuy nhiên, bằng việc triển khai đồng bộ các giải pháp từ xây dựng, nâng cấp đến áp dụng công nghệ và tăng cường quản lý, tỷ lệ thất thoát của Công ty năm 2019 vẫn đảm bảo ở mức < 12%.

Sản lượng nước thương phẩm năm 2019 đạt 69 triệu m³, doanh thu nước đạt trên 848 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính

2.1. Công tác Tài chính.

- Cân đối thu chi đảm bảo trả nợ gốc và lãi vay các dự án đầy đủ, đúng hạn và trang trải đầy đủ các khoản chi phí vận hành giúp duy trì SXKD ổn định, đảm bảo lợi nhuận theo kế hoạch, vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 96,79 tỷ .

- Theo dõi và hạch toán các giao dịch kinh tế tài chính theo đúng quy định hiện hành và đảm bảo hiệu quả SXKD của Công ty.

- Lập và kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định.

- Thực hiện tốt công tác quản lý và bảo toàn vốn tại Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng.

2.2. Tình hình tài sản

Số liệu về biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ là:

STT	Loại tài sản	Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	643.627.895.342	310.197.560.226	333.430.335.116
2	Máy móc, thiết bị	220.927.973.266	119.603.052.498	101.324.920.768
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.564.219.380.343	761.146.656.679	803.072.723.664
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	6.549.761.490	5.399.516.822	1.150.244.668

STT	Loại tài sản	Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
5	Tài sản khác	10.767.313.149	8.620.963.731	2.146.349.418
	Tổng cộng	2.446.092.323.590	1.204.967.749.956	1.241.124.573.634

Tình hình tài chính công ty biến động theo chiều hướng tốt, vốn công ty được bảo toàn và sử dụng có hiệu quả cao, Công ty không có nợ phải thu xấu hoặc tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.2. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Tính đến ngày 31/12/2019 nợ phải trả là 958.847.467.736 đồng trong đó:

+ Nợ ngắn hạn: 98.015.983.682 đồng

+ Nợ dài hạn: 860.831.484.054 đồng

Không có biến động quá lớn về các khoản nợ

- Nợ phải trả xấu: Không có

- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

Khi nhận gốc vay ngoại tệ trong kỳ, giao dịch này được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

+ Đối với khoản vay: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1. Áp dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại trong sản xuất, quản lý

- Xây dựng, lập trình và nâng cấp phần mềm phục vụ cho công tác thu đọc tiền nước bằng smartphone.

- Vận hành phần mềm phát triển khách hàng và đăng ký dịch vụ cấp nước trực tuyến.

- Tiếp tục triển khai xây dựng hệ thống thông tin địa lý GIS.

+ Từng bước lắp đặt đồng hồ tiêu thụ có phát sóng Radio để tăng năng suất lao động nâng cao chất lượng dịch vụ, khách hàng có thể kiểm tra để biết lượng nước tiêu thụ tại bất kỳ thời điểm nào khi cần.

+ Tiếp tục phát hành và nâng cấp phần mềm hóa đơn điện tử, đa dạng các hình thức thanh toán tiền nước: Thu tại quầy, thu tại nhà, thu qua tài khoản ngân hàng, thu qua các dịch vụ thanh toán trung gian Payoo, qua các dịch vụ viễn thông..., ưu tiên thanh toán không dùng tiền mặt như: Qua tài khoản ngân hàng và các hình thức thanh toán trực tuyến, giảm dần tiến tới xóa bỏ hình thức thu tại nhà.

+ Xây dựng các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin, mạng viễn thông để tiến tới các giao dịch của khách hàng với công ty chủ yếu là giao dịch trực tuyến.

+ Nâng cấp phần mềm DVCN trực tuyến, để phục vụ đa số khách hàng khi có yêu cầu sử dụng dịch vụ cấp nước và các sản phẩm khác của công ty.

+ Thường xuyên cập nhật thông tin hoạt động cấp nước của Công ty trên Website để khách hàng truy cập.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống scada phục vụ công tác kiểm soát nước thất thoát.

3.2. Hợp tác quốc tế

Chủ trương của Đảng ủy Công ty về việc tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế đã được chỉ đạo và thực hiện tốt nhằm:

- Tăng cường đầu tư các dự án cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước để nâng cao năng lực cấp nước, giảm thất thoát nước, mở rộng diện phục vụ cấp nước, tăng số lượng khách hàng cấp nước.

- Đổi mới công tác quản lý, vận hành theo hướng tiên tiến, hiệu quả, yếu tố con người quản lý được đề cao.

- Đổi mới trang thiết bị, máy móc, vật tư, công nghệ theo hướng hiện đại, tiết kiệm chi phí vận hành, từng bước tự động hóa sản xuất thông qua các đối tác quốc tế trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp thiết bị ngành nước.

Với những mục tiêu cụ thể trên, Công ty đã triển khai hợp tác với Ngân Hàng Phát triển châu Á – ADB để vay vốn thực hiện dự án mở rộng hệ thống cấp nước

TP Hải Phòng giai đoạn 2; Hợp tác kết nghĩa với Cục cấp thoát nước Kitakyushu và một số đối tác Nhật Bản qua đó tranh thủ sự ủng hộ để vận động nguồn kinh phí viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Nhật Bản cho việc xây dựng nâng công suất nhà máy nước An Dương; Duy trì hợp tác với các Công ty nước Yarra Valley Water - Australia, Công ty nước Singapore, Công ty ZOREX - Hàn Quốc, Bom Wilo – Đức,... để trao đổi kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực quản lý và đầu tư kỹ thuật công nghệ. Từ hoạt động hợp tác thiết thực, hiệu quả trong công việc, Công ty cũng góp phần cho công tác ngoại giao của thành phố thêm phong phú và đa dạng hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Lĩnh vực sản xuất nước và chất lượng nước:

- Đảm bảo cấp nước an toàn, kịp thời, đầy đủ nhu cầu của khách hàng tại các vùng phục vụ. Dự kiến sản lượng nước sản xuất năm 2020 là 82 triệu m³.

- Chất lượng nước đạt yêu cầu, phù hợp với QCVN 01:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ăn uống và mục tiêu chất lượng của các đơn vị.

4.2. Lĩnh vực kinh doanh tiêu thụ và tài chính:

- Dự kiến năm 2020 phát triển khoảng 8.000 khách hàng nâng tổng số khách hàng dùng nước đạt khoảng 330.000.

- Vận hành mạng lưới theo áp lực cuối nguồn đảm bảo ≥ 15 m cột nước.

- Phân đầu tỷ lệ thất thoát nước toàn công ty $\leq 11,7\%$.

- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh nước phân đầu đạt 880 tỷ đồng. Doanh thu từ sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai đạt trên 10 tỷ đồng.

- Tiếp tục thực hiện công tác đọc số và thu tiền một lần bằng Smartphone.

- Tiếp nhận và giải quyết các dịch vụ, yêu cầu của khách hàng trực tuyến qua webside công ty.

- Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, bảo đảm thỏa đáng thu nhập của người lao động và nộp ngân sách đầy đủ.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư.

- Trả nợ gốc và lãi vay đầy đủ đúng hạn

- Phân đầu có lợi nhuận bằng hoặc cao hơn năm 2019.

- Phân đầu trả cổ tức bằng hoặc lớn hơn dự kiến.

- Quản lý hiệu quả vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng.

4.3. Lĩnh vực khác:

- Hoạt động ổn định theo mô hình công ty cổ phần.
- Thực hiện thoái vốn nhà nước theo chủ trương của Chính phủ và thành phố.
- Đảm bảo điều kiện công ăn việc làm, ổn định thu nhập, nâng cao đời sống CBCNV Công ty.
- Phát huy phong trào thi đua nghiên cứu áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong công tác quản lý và sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức các chương trình học tập, tham quan nghiên cứu, tổ chức các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCNV.
- Duy trì và phát triển các quan hệ hợp tác trong và ngoài nước.
- Tích cực tham gia công tác xã hội.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Bằng các biện pháp thưởng/phạt khi sử dụng tiết kiệm hoặc lãng phí so với định mức kinh tế kỹ thuật trong quá trình sản xuất đối với nước sạch (nước thô), năng lượng (điện), Công ty đã triệt để tiết kiệm các nguồn nước, năng lượng dùng cho sản xuất, bán hàng và sinh hoạt đồng thời hạn chế đến mức tối đa nguồn phát thải ra ngoài môi trường.

- Hệ thống xử lý nước của công ty hoạt động liên tục (24/24h), được kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu hàng ngày và đáp ứng tốt yêu cầu môi trường bên cạnh việc tăng cường trồng cây xanh, đảm bảo môi trường sản xuất xanh, sạch, an toàn.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Bên cạnh việc tập trung vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty đã xây dựng hình thức trả lương mới cho CBCNV, làm theo năng lực hưởng theo lao động giúp CBCNV phấn đấu trong lao động, tăng năng suất, chất lượng công việc; đồng thời tạo điều kiện cho các hoạt động đoàn thể quần chúng và xã hội phát triển.

Công đoàn Công ty luôn vận động cán bộ, công nhân viên tích cực tham gia và hưởng ứng các hoạt động chuyên môn; bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động; đảm bảo quy chế dân chủ tại cơ sở; thực hiện tốt Thỏa ước lao động tập thể. Công đoàn và Công ty quan tâm đến công tác an toàn vệ sinh lao động, kiện toàn bộ máy tổ chức làm công tác an toàn, cung cấp trang phục bảo hộ và phương tiện bảo hộ cá nhân.

Cùng với đó, công tác chăm lo sức khỏe cho CBCNV cũng được Công ty quan tâm: tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV 1 năm 1 lần; tổ chức khám chuyên khoa cho nữ CBCNV 1 năm 2 lần; trang bị máy đo huyết áp tại chỗ để cho CBCNV chủ động kiểm tra sức khỏe và lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời cho CBCNV tại các đơn vị, chi nhánh xí nghiệp nhằm khuyến khích phong trào thể dục thể thao, tự rèn luyện tăng cường sức khỏe. Rà soát, tìm hiểu các trường hợp CBCNV khó khăn để tổ chức tặng quà cho 8 trường hợp CBCNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhưng phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao với tổng giá trị là 80 triệu đồng; cùng với việc thăm hỏi, tặng quà vào các dịp lễ, tết; tặng quà cho con em CBCNV đạt thành tích trong học tập, vui hè cho các cháu thiếu nhi.

Việc chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động cũng được Công ty chú trọng quan tâm. Đây cũng là thế mạnh của Công ty và đã được Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ Công ty phối hợp tham mưu, tổ chức theo tháng, quý và năm, đảm bảo các hoạt động thiết thực, hiệu quả: tiếp xúc, tặng quà và tọa đàm về chuyên đề làm đẹp cho phụ nữ nhân dịp 8/3; tham gia hội thi cắm hoa nữ CNVC-LĐ ngành Xây dựng; tổ chức giao hữu bóng đá nữ CBCNV – đây là những sân chơi riêng cho nữ CBCNV, góp phần tăng cường sức khỏe và giao lưu học hỏi của nữ CBCNV; tổ chức giải tennis mở rộng; giải thể thao Công ty với 5 bộ môn: bóng đá, kéo co, cầu lông, bóng bàn và cờ tướng thu hút gần 200 VĐV tham gia – đây là một sân chơi thể thao lành mạnh, bổ ích góp phần nâng cao đời sống tinh thần và tăng cường sự giao lưu, học hỏi cho CBCNV trong toàn công ty.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Là đơn vị có truyền thống uống nước nhớ nguồn, lá lành đùm lá rách, do vậy trong năm qua Công ty luôn thực hiện tích cực tham gia ủng hộ các quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt, quỹ vì Trường Sa, Hoàng Sa, ủng hộ lụt bão và các hội từ thiện, hội chữ thập đỏ, các hoạt động xã hội của thành phố và các sở ban ngành.... với số tiền hàng trăm triệu đồng.

Hưởng ứng các hoạt động tri ân, đền ơn đáp nghĩa, Hội Cựu chiến binh công ty mỗi năm đều tổ chức tri ân CBCNV là thương binh, thân nhân liệt sỹ, cựu quân nhân vào các ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7, ngày Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12; tham gia đóng góp với hội khối xây dựng nhà tình nghĩa cho cựu chiến binh có hoàn cảnh khó khăn

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty năm 2019, trong năm qua Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng quản trị, giám sát và định hướng mọi hoạt động của công ty, HĐQT đã giao nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên theo từng lĩnh vực để chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Ban điều hành. Năm 2019, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2019 (Đơn vị tính: đồng)

STT	Chỉ tiêu	THỰC HIỆN
1	Doanh thu	869.363.049.854
2	Doanh thu hoạt động tài chính	14.033.600.923
3	Chi phí	772.571.773.960
4	Lợi nhuận trước thuế	96.791.275.894
5	Lợi nhuận sau thuế	78.723.816.035
6	Chỉ tiêu cổ tức dự kiến	8%

Nhìn chung những biện pháp chỉ đạo của HĐQT đã giúp giải quyết kịp thời những khó khăn, giúp cho hoạt động sản xuất ổn định, cấp nước an toàn và đầy đủ cho khách hàng. Cùng với sự cố gắng nỗ lực của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên (CBCNV) mà trong năm 2019 Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Cụ thể: sản lượng nước sản xuất đạt 78,3 triệu m³ tăng 5,2% so với kế hoạch, sản lượng nước tiêu thụ đạt 69 triệu m³ tăng 5,5% so với kế hoạch; doanh thu nước đạt 848 tỷ đồng tăng 5,3% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 96,7 tỷ đồng tăng khoảng 0,2% so với kế hoạch.

1.2. Kết quả đầu tư xây dựng năm 2019

Nhằm nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng phạm vi cấp nước cũng như cải thiện chất lượng dịch vụ cấp nước, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ chính trị

của Thành phố giao, trong 05 năm qua, Công ty đã và đang tích cực triển khai hàng trăm dự án cấp nước lớn, nhỏ (*như xây dựng nhà máy, các trạm bơm, hệ thống xử lý nước, các tuyến ống truyền dẫn ...*) với số vốn đầu tư trên 1.000 tỷ đồng, trong đó nhiều dự án lớn như:

- Xây dựng nhà máy nước số 2 Vĩnh Bảo (5.000 m³/ngày), nhà máy nước Hưng Đạo (25.000 m³/ngày). Xây dựng hệ thống cấp nước ra đảo Cát Hải, trong đó có xây dựng bể chứa 2.000m³ tại trạm bơm tăng áp Đông Hải. Xây dựng tuyến ống D400 đến cảng Lạch Huyện và tuyến ống D600 qua cầu vượt biển Tân Vũ – Lạch Huyện với chiều dài >5.300m cung cấp nước cho đảo Cát Hải. Hiện nay, công ty đã cung cấp nước cho Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast, Công ty cảng container quốc tế HICT cùng một số đơn vị kinh doanh, sản xuất trên đảo.

- Triển khai xây dựng công trình xử lý nước biển có công suất 1.500 m³/ngày tại NMN Cái Giá để xử lý nước biển thành nước ngọt, bổ sung cho khu vực đảo Cát Bà. Đồng thời tiến hành khoan bổ sung các giếng khoan để khai thác nước ngầm; lắp đặt các tuyến ống truyền dẫn nước thô từ các hồ Xuân Đám, Hải Sơn với tổng chiều dài 16km đến NMN Cái Giá. Trong năm 2019, Công ty đảm bảo cung cấp đủ nước sạch cho Cát Bà, không để xảy ra tình trạng thiếu nước, đặc biệt trong mùa cao điểm du lịch.

- Triển khai nhiều tuyến ống truyền dẫn: tuyến ống D500 Ký Con – Tam Bạc – Cù Chính Lan, tuyến ống D400 đường Cầu Bính, khoan ngầm 02 tuyến ống D450 khu vực Cầu Bính và khu vực Phà Bính nhằm đảm bảo kịp thời cung cấp nước cho khu đô thị mới Bắc Sông Cấm; tuyến ống D500 đường Lý Thánh Tông kết nối với các đường ống chuyên tải đảm bảo công tác cấp nước an toàn và tăng cường cấp nước cho KCN Đồ Sơn và các phường khu vực Đồ Sơn; xây dựng tuyến ống nước thô D1000 từ Trạm bơm Quán Vĩnh kết hợp với tuyến ống hiện có đảm bảo cung cấp đủ lưu lượng nước thô cho NMN An Dương vận hành khi nâng công suất lên 200.000m³/ngày; tuyến ống D355-D280 nối khu I Vịnh Tùng Dinh nhằm đáp ứng nhu cầu nước tăng nhanh của thị trấn Cát Bà trong hiện tại và tương lai là các khu nghỉ dưỡng Flamingo Resort, Cat Ba Sunrise sắp được đưa vào sử dụng.

- Tiếp tục triển khai Dự án đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Hải Phòng giai đoạn 2 vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á ADB, dự án nâng cấp NMN AN Dương sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Nhật Bản và các dự án mở rộng vùng phục vụ cấp nước khác.

1.2. Công tác tổ chức nhân sự

- Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần, chăm sóc sức khỏe, giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động; tạo đủ việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo thu nhập ở mức khá so với mặt bằng chung của người lao động trong thành phố, làm tròn nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước.

- Đi đôi với giữ ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty làm tốt công tác bảo vệ môi trường; giảm thiểu phát thải các chất thải rắn, chất thải khí ra môi trường bằng các giải pháp kỹ thuật, đảm bảo sản xuất an toàn.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Các thành viên HĐQT thường xuyên trực tiếp kiểm tra công tác điều hành SXKD trên các lĩnh vực được phân công, tích cực giám sát và chỉ đạo Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ được giao thông qua việc:

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu trong năm;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban điều hành thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT. Từ đó đưa ra các chỉ đạo giúp cho hoạt động SXKD của Công ty có hiệu quả;
- Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc và Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHCĐ và HĐQT giao;
- Tích cực tham gia vào các buổi họp giao ban và các buổi họp khác của Ban điều hành nhằm theo sát các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Các thành viên trong Ban Giám đốc đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách theo lĩnh vực được phân công.

HĐQT đánh giá cao trong quá trình hoạt động Tổng giám đốc và Ban điều hành đã luôn nỗ lực, cố gắng để hoàn thành tốt các chỉ tiêu đề ra và luôn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, HĐQT sẽ tiếp tục cùng Ban điều hành và CBCNV Công ty nỗ lực phấn đấu để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, đảm bảo tỷ suất đầu tư hợp lý.
- Thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công công trình, đúng trình tự xây dựng cơ bản.

- Thực hiện thoái vốn nhà nước theo chủ trương của Chính phủ và thành phố.
- Bảo toàn và phát triển vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng.
- Nâng cao công tác quản lý kinh doanh tiêu thụ và chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực.
- Đảm bảo điều kiện công ăn việc làm, ổn định thu nhập, nâng cao đời sống CBCNV Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

- Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

- Toàn bộ báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán được đăng tải chi tiết tại địa chỉ Website: capnuochaiphong.com.vn.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Trần Việt Cường
 CHỦ TỊCH HĐQT